

Số: *550* /KH-UBND

Lai Châu, ngày *09* tháng *4* năm 2019

KẾ HOẠCH

Xét tuyển công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển năm 2019

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới,

Sau khi xem xét số lượng và vị trí việc làm còn thiếu so với biên chế được giao của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, UBND tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch xét tuyển công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển năm 2019 như sau:

I. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

- Việc xét tuyển công chức, viên chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế và nhu cầu của cơ quan, đơn vị sử dụng công chức, viên chức.
- Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
- Bảo đảm tính cạnh tranh.

4. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

5. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí cần tuyển dụng.

II. ĐỐI TƯỢNG, SỐ LƯỢNG TUYỂN DỤNG, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đối tượng tuyển dụng

Người được cử đi học theo chế độ cử tuyển của tỉnh Lai Châu theo quy định của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP đã tốt nghiệp ra trường, có đủ điều kiện dự xét tuyển theo vị trí việc làm cần tuyển.

2. Số lượng, vị trí cần tuyển dụng

a) Số lượng: 78 chỉ tiêu.

- Công chức: 43 chỉ tiêu.

- Viên chức: 35 chỉ tiêu.

b) Vị trí cần tuyển dụng (*Có biểu chi tiết kèm theo*)

3. Điều kiện đăng ký dự tuyển

3.1. Đối với dự tuyển công chức

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

- Từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Có phiếu đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;

- Có bằng Đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm; Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương.

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

3.2. Đối với dự tuyển viên chức

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có bằng Đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm; Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương.

- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, HỒ SƠ SAU KHI TRÚNG TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển công chức, viên chức nộp hồ sơ trực tiếp tại địa điểm tiếp nhận hoặc gửi theo đường bưu chính theo thông báo tuyển dụng, thành phần gồm:

- a) Phiếu đăng ký dự tuyển (có mẫu kèm theo).
- b) 03 phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận, nơi nhận.

2. Hồ sơ sau khi trúng tuyển

Sau khi có kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ theo quy định gồm:

- a) Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ.
- b) Bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng.
- c) Bản sao Giấy khai sinh.
- d) Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận.
- đ) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.
- e) Quyết định cử đi học theo chế độ cử tuyển của UBND tỉnh.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỂM ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức

- a) Người dân tộc thiểu số được cộng 5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2;
- b) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.
- c) Các đối tượng ưu tiên khác được cộng điểm vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 161/2018/NĐ-

CP đối với dự tuyển vào vị trí công chức và Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP đối với trường hợp dự tuyển vào vị trí viên chức.

2. Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT TUYỂN

Xét tuyển công chức, viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2

a) Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

VI. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN; TRƯỜNG HỢP HỦY QUYẾT ĐỊNH TUYỂN DỤNG, BỔ SUNG NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức, viên chức

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức, viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên;

- Có điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển.

2. Trường hợp hủy quyết định tuyển dụng

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì bị hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu Đăng ký dự tuyển hoặc phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì sẽ thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

3. Trường hợp bổ sung người trúng tuyển

a) Trường hợp người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định, Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng (đảm bảo quy định tại Khoản 1 Mục VI Kế hoạch này) thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị sử dụng công chức, viên chức phát sinh nhu cầu tuyển dụng mới trong cùng năm tuyển dụng đối với vị trí có yêu cầu về chuyên ngành đào tạo giống như vị trí việc làm mà người dự tuyển đã đăng ký trong năm tuyển dụng và có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh. Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng (đảm bảo quy định tại Khoản 1 Mục VI Kế hoạch này) thấp hơn liền kề so với kết quả của người trúng tuyển ở chỉ tiêu cuối cùng theo nhu cầu bổ sung của cơ quan, đơn vị.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề mà bằng nhau thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển, nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định người trúng tuyển.

4. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức, viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

VII. LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

Việc thu, quản lý, sử dụng lệ phí tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy

định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nội vụ

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét tuyển công chức, viên chức và Ban Giám sát kỳ xét tuyển. Trường hợp không thành lập Hội đồng xét tuyển công chức, Giám đốc Sở Nội vụ thành lập các bộ phận giúp việc để tổ chức tuyển dụng theo quy định.

b) Là cơ quan Thường trực Hội đồng xét tuyển có trách nhiệm thông báo tuyển dụng; tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển; thông báo danh sách người đủ điều kiện dự tuyển, lệ phí tuyển dụng; triệu tập thí sinh dự xét tuyển; thông báo kết quả xét tuyển, kết quả trúng tuyển đến người dự tuyển.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cử người tham gia các ban giúp việc của Hội đồng xét tuyển, chuẩn bị các nội dung và điều kiện để tổ chức xét tuyển.

d) Thu phí dự tuyển, lập dự trù kinh phí và sử dụng phí theo quy định.

đ) Ban hành quyết định tuyển dụng sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả tuyển dụng và danh sách người trúng tuyển.

e) Quản lý, lưu trữ các tài liệu liên quan đến quá trình xét tuyển.

2. Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh

Có trách nhiệm thông báo công khai Kế hoạch này để các đối tượng biết và đăng ký dự tuyển.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố

Phối hợp với Sở Nội vụ cử người tham gia các ban giúp việc của Hội đồng xét tuyển và các điều kiện để tổ chức xét tuyển theo quy định.

4. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch xét tuyển. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức xét tuyển theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Thời gian thực hiện

a) Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển:

Thời gian: từ tháng 4/2019.

Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu (tầng 1, nhà D khu Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh).

b) Tổ chức xét tuyển: Hội đồng xét tuyển thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

Mọi thông tin liên quan đến kỳ xét tuyển, danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển; thời gian, địa điểm phỏng vấn; kết quả xét tuyển; danh sách phê duyệt kết quả trúng tuyển; thời gian đến nhận quyết định tuyển dụng xem trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu (địa chỉ laichau.gov.vn) và trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu (địa chỉ sonv.laichau.gov.vn)

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên hệ về cơ quan thường trực Hội đồng xét tuyển qua Sở Nội vụ (tầng 2, nhà D, Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh Lai Châu hoặc số điện thoại 02133.876.558) để xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển công chức, viên chức đối với sinh viên cử tuyển năm 2019 của tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Báo Lai Châu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tiến Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

**SỐ LƯỢNG, VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
ĐỐI VỚI SINH VIÊN CỬ TUYỂN NĂM 2019**

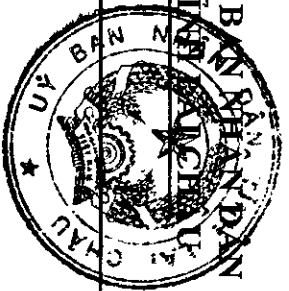
(Kèm theo Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng

| Stt | Cơ quan, đơn vị | Số lượng cần tuyển dụng | Vị trí việc làm cần tuyển | Trình độ chuyên môn | | Yêu cầu chung về ngoại ngữ và tin học đối với tất cả các vị trí dự tuyển |
|----------------|---|-------------------------|--|---------------------|---|---|
| | | | | Trình độ | Ngành, chuyên ngành đào tạo | |
| TỔNG SỐ | | 35 | | | | |
| I | Sở Xây dựng | 3 | | | | |
| 1 | Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Phòng Giám định chất lượng | 1 | Tư vấn kiểm tra công tác nghiệm thu công trình | Đại học | Xây dựng | - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương. |
| | | | Tư vấn, kiểm định chất lượng công trình | Đại học | Thủy lợi; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng | |
| | | | Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường | Đại học | Xây dựng | |
| II | Sở Tài nguyên và Môi trường | 4 | | | | |
| 1 | Văn phòng đăng ký đất đai | 3 | Đo đạc | Đại học | Quản lý đất đai; trắc địa; Kỹ thuật trắc địa-bản đồ | |
| 2 | Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường | 1 | Quan trắc hiện trạng môi trường | Đại học | Công nghệ môi trường; Thủy văn | |
| III | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | 2 | | | | |
| 1 | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | 1 | Chi đạo sản xuất nông nghiệp | Đại học | Bảo vệ thực vật; Nông học | |

Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng

| Stt | Cơ quan, đơn vị | Số lượng cần tuyển dụng | Vị trí việc làm cần tuyển | Trình độ chuyên môn | | Yêu cầu chung về ngoại ngữ và tin học đối với tất cả các vị trí dự tuyển |
|-----|--|-------------------------|---|---------------------|---|---|
| | | | | Trình độ | Ngành, chuyên ngành đào tạo | |
| 2 | Các trạm thuộc Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | 1 | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Đại học | Trồng trọt; Bảo vệ thực vật; Nông học; Khoa học cây trồng | - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương. |
| IV | UBND huyện Than Uyên | 2 | | | | |
| 1 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên | 1 | Dạy nghề | Đại học | Xây dựng | |
| 2 | Trung tâm Phát triển Quý đất | 1 | Bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng | Đại học | Xây dựng | |
| VI | UBND huyện Nậm Nhùn | 2 | | | | |
| 1 | Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp | 2 | Bảo vệ thực vật | Đại học | Trồng trọt; bảo vệ thực vật | |
| VII | Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế | 22 | | | | |
| 1 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | 8 | Bác sỹ khám/ chữa bệnh | Đại học | Bác sỹ | |
| 2 | Trung tâm Y tế Dự phòng thành phố | 1 | Bác sỹ khám/ chữa bệnh | Đại học | Bác sỹ | |
| 3 | Trung tâm Y tế Sin Hồ | 2 | Bác sỹ khám/ chữa bệnh | Đại học | Bác sỹ | |
| 4 | Trung tâm Y tế Mường Tè | 8 | Bác sỹ khám/ chữa bệnh | Đại học | Bác sỹ | |
| 5 | Trung tâm Y tế Nậm Nhùn | 3 | Bác sỹ khám/ chữa bệnh | Đại học | Bác sỹ | |



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU
CHAU LAI

SỐ LƯỢNG, VỊ TRÍ VIỆC LÀM TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
ĐỐI VỚI SINH VIÊN CỬ TUYỂN NĂM 2019
(Kèm theo Kế hoạch số 550/KH-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)


Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng

| Stt | Cơ quan, đơn vị | Số lượng tuyển dụng | Vị trí việc làm cần tuyển | Trình độ chuyên môn | | Yêu cầu chung về ngoại ngữ và tin học đối với tất cả các vị trí dự tuyển |
|------------|-----------------------------------|---------------------|----------------------------|---------------------|--|---|
| | | | | Trình độ | Ngành, chuyên ngành đào tạo | |
| TỔNG SỐ | | 43 | | | | |
| A CẤP TỈNH | | 14 | | | | |
| I | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 2 | | | | - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương. |
| 1 | Phòng Khoa giáo, Văn xã | 1 | Quản lý kế hoạch và Đầu tư | Đại học | Kinh tế; Kế hoạch | |
| 2 | Phòng Đăng ký kinh doanh | 1 | Chuyên viên | Đại học | Kinh tế; Quản lý kinh tế | |
| II | Sở Giao thông vận tải | 1 | | | | |
| 1 | Thanh tra Sở | 1 | Thanh tra | Đại học | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | |
| III | Sở Văn hóa thể thao và Du lịch | 1 | | | | |
| 1 | Phòng Quản lý Văn hóa và gia đình | 1 | Quản lý văn hóa | Đại học | Quản lý văn hóa; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam | |
| IV | Sở Xây dựng | 3 | | | | |

Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng

| Stt | Cơ quan, đơn vị | Số lượng tuyển dụng | Vị trí việc làm cần tuyển | Trình độ chuyên môn | | Yêu cầu chung về ngoại ngữ và tin học đối với tất cả các vị trí dự tuyển |
|-----|--|---------------------|--|---------------------|---|---|
| | | | | Trình độ | Ngành, chuyên ngành đào tạo | |
| 1 | Phòng Quản lý xây dựng | 1 | Quản lý hoạt động xây dựng | Đại học | Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình | - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương. |
| 2 | Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng | 1 | Quản lý kinh tế xây dựng | Đại học | Kinh tế; Kinh tế xây dựng | |
| 3 | Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản | 1 | Quản lý nhà và thị trường bất động sản | Đại học | Quản lý xây dựng; Kỹ thuật hạ tầng đô thị | |
| V | Sở Tài chính | 3 | | | | |
| 1 | Phòng Quản lý Giá công sản | 1 | Chuyên viên | Đại học | Kinh tế; Tài chính; Tài chính-Kế toán | |
| 2 | Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp | 1 | Chuyên viên | Đại học | Kinh tế; Tài chính; Tài chính-Kế toán | |
| 3 | Phòng Tài chính Doanh nghiệp | 1 | Chuyên viên | Đại học | Kinh tế; Tài chính; Tài chính-Kế toán | |
| VI | Sở Tài nguyên và Môi trường | 1 | | | | |
| 1 | Phòng Môi trường và biến đổi khí hậu | 1 | Kiểm soát chất thải | Đại học | Kỹ thuật môi trường; khoa học môi trường | |
| VII | Sở Công thương | 3 | | | | |
| 1 | Thanh tra Sở | 1 | Thanh tra về lĩnh vực công nghiệp | Đại học | Kỹ thuật điện | |
| 2 | Phòng Quản lý Công nghiệp | 1 | Quản lý về khuyến công | Đại học | Quản lý công nghiệp | |

Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng

| Stt |  CƠ QUAN ĐƠN VỊ | Số lượng tuyển dụng | Vị trí việc làm cần tuyển | Trình độ chuyên môn | | Yêu cầu chung về ngoại ngữ và tin học đối với tất cả các vị trí dự tuyển |
|-----|---|---------------------|---|---------------------|---|---|
| | | | | Trình độ | Ngành, chuyên ngành đào tạo | |
| 3 | Phòng Quản lý Năng lượng | 1 | Quản lý năng lượng | Đại học | Kỹ thuật điện; Kỹ thuật thủy điện; | |
| B | CẤP HUYỆN | 29 | | | | |
| I | UBND huyện Mường Tè | 11 | | | | |
| 1 | Văn phòng HĐND - UBND | 1 | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính; Lễ tân đối ngoại | Đại học | Hành chính; Ngoại giao; Quan hệ quốc tế | - Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; |
| | | | | Đại học | Công nghệ thông tin | |
| 2 | Phòng Nội vụ | 1 | Quản lý đội ngũ công chức, viên chức | Đại học | Luật; Hành chính; Quản trị nhân lực | |
| 3 | Phòng Dân tộc | 1 | Theo dõi công tác dân tộc | Đại học | Luật; Công tác xã hội; Tôn giáo | - Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương. |
| | | | | Đại học | Kỹ thuật tài nguyên nước; Tài nguyên và môi trường; | |
| 4 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | 1 | Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản | Đại học | Kỹ thuật tài nguyên nước | |
| | | | | Đại học | Kế toán | |
| 5 | Phòng Lao động, thương binh và xã hội | 2 | Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề | Đại học | Luật; Quản trị nhân lực | |
| | | | | Đại học | Kế toán viên | |

| Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng | | | | | Yêu cầu chung về ngoại ngữ và tin học đối với tất cả các vị trí dự tuyển |
|--|--------------------------------|---------------------|-------------------------------------|---------------------|--|
| Stt | Cơ quan, đơn vị | Số lượng tuyển dụng | Vị trí việc làm cần tuyển | Trình độ chuyên môn | |
| | | | | Trình độ | Ngành, chuyên ngành đào tạo |
| 6 | Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1 | Quản lý kế hoạch và đầu tư | Đại học | Kinh tế |
| 7 | Phòng Văn hóa - Thông tin | 1 | Quản lý văn hóa thông tin cơ sở | Đại học | Văn hóa dân tộc thiểu số; Quản lý văn hóa |
| II | UBND huyện Phong Thổ | 1 | | | |
| 1 | Phòng Dân tộc | 1 | Theo dõi công tác dân tộc | Đại học | Xây dựng; Thủy lợi |
| III | UBND huyện Than Uyên | 3 | | | |
| 1 | Văn phòng HĐND-UBND | 1 | Hành chính tổng hợp | Đại học | Luật, Hành chính |
| 2 | Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1 | Quản lý kế hoạch và đầu tư | Đại học | Kinh tế |
| 3 | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | 1 | Quản lý xây dựng | Đại học | Xây dựng |
| V | UBND huyện Sìn Hồ | 7 | | | |
| 1 | Phòng Tư pháp | 1 | Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở | Đại học | Luật |
| | | 1 | Quản lý đất đai | Đại học | Địa chính, Trắc địa; Kỹ thuật trắc địa-bản đồ |
| | | 1 | Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản | Đại học | Khai thác khoáng sản; Tuyển khoáng; Kỹ thuật mỏ |
| 2 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | 1 | Quản lý môi trường | Đại học | Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Khoa học môi trường |

- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;
- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương.



Số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện tuyển dụng

| Stt | Số lượng tuyển dụng | Vị trí việc làm cần tuyển | Trình độ chuyên môn | | Yêu cầu chung về ngoại ngữ và tin học đối với tất cả các vị trí dự tuyển |
|-----|---------------------|---------------------------------------|---------------------|--|--|
| | | | Trình độ | Ngành, chuyên ngành đào tạo | |
| 3 | 1 | Quản lý xây dựng | Đại học | Xây dựng; Quản lý xây dựng | <p>- Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;</p> <p>- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương.</p> |
| | | | Đại học | Giao thông | |
| | | | Đại học | Quản trị kinh doanh | |
| VI | 1 | Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở | Đại học | Luật | |
| | | | Đại học | Luật; Hành chính | |
| | | | Đại học | Luật; Hành chính | |
| VII | 6 | Quản lý tổ chức - biên chế và hội | Đại học | Luật; Hành chính | |
| | | | Đại học | Luật; Hành chính | |
| | | | Đại học | Luật; Hành chính | |
| 1 | 1 | Phụ trách giải quyết khiếu nại tố cáo | Đại học | Luật; Hành chính | |
| | | | Đại học | Tài chính; Tài chính - ngân hàng | |
| 3 | 1 | Quản lý tài chính - ngân sách | Đại học | Tài chính; Tài chính - ngân hàng | |
| | | | Đại học | Thủy lợi; Kỹ thuật hạ tầng; phát triển nông thôn | |
| 4 | 1 | Theo dõi xây dựng nông thôn mới | Đại học | Phát triển nông thôn | |
| | | | Đại học | Phát triển nông thôn | |